

Phụ lục 1

BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT DỊCH TUẦN 15 NĂM 2026

(Từ ngày 08/4/2026 đến hết ngày14/4/2026)

TT	Khu vực	(*)	Sốt xuất huyết		T - C - M		Sốt rét		COVID-19		Sốt phát ban		Đại	
			M	C	M	C	M	C	M	C	M	C	M	C
1	Chư Păh	<i>a</i>	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	8	0	6	0	0	0	0	0	0	0	1	1
2	Chư Prông	<i>a</i>	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	85	0	14	0	0	0	0	0	1	0	0	0
3	Chư Pưh	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	13	0	8	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4	Chư Sê	<i>a</i>	0	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	28	0	18	0	0	0	0	0	1	0	0	0
5	Đăk Đoa	<i>a</i>	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	10	0	15	0	0	0	0	0	0	0	0	0
6	Đăk Pơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	2	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
7	Đức Cơ	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	1	0	3	0	0	0	0	0	1	0	0	0
8	Ia Grai	<i>a</i>	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	17	0	11	0	0	0	0	0	0	0	0	0
9	Ia Pa	<i>a</i>	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	40	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
10	Kbang	<i>a</i>	0	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	0	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0
11	Kông Chro	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
12	Krông Pa	<i>a</i>	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	87	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0
13	Mang Yang	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
14	Phú Thiện	<i>a</i>	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	167	0	7	0	0	0	0	0	0	0	0	0
15	Pleiku	<i>a</i>	4	0	12	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	53	0	43	0	0	0	0	0	6	0	0	0
16	An Khê	<i>a</i>	0	0	6	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	1	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0
17	Ayun Pa	<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	25	0	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0
18	Quy Nhơn	<i>a</i>	0	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	53	0	58	0	0	0	0	0	0	0	0	0
19	Tuy Phước	<i>a</i>	1	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	47	0	45	0	0	0	0	0	1	0	0	0
20	An Nhơn	<i>a</i>	1	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	48	0	33	0	0	0	0	0	0	0	0	0
21	Phù Cát	<i>a</i>	5	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	55	0	24	0	0	0	0	0	0	0	0	0
22	Phù Mỹ	<i>a</i>	1	0	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	54	0	21	0	0	0	0	0	0	0	0	0
23	Hoài Nhơn	<i>a</i>	2	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	99	0	30	0	0	0	0	0	2	0	0	0

TT	Khu vực	(*)	Số xuất huyết		T - C - M		Số rét		COVID-19		Số phát ban		Đại	
			M	C	M	C	M	C	M	C	M	C	M	C
24	Hoài Ân	<i>a</i>	2	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	25	0	19	0	0	0	0	0	1	0	0	0
25	Tây Sơn	<i>a</i>	1	0	6	0	0	0	0	0	1	0	0	0
		<i>b</i>	25	0	26	0	0	0	0	0	1	0	0	0
26	Vân Canh	<i>a</i>	0	0	3	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	4	0	22	0	0	0	0	0	0	0	0	0
27	An Lão	<i>a</i>	2	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	47	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0
28	Vĩnh Thạnh	<i>a</i>	4	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	29	0	10	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Ngoại lai		<i>a</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
		<i>b</i>	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Toàn tỉnh		<i>a</i>	37	0	65	0	0	0	0	0	1	0	0	0
		<i>b</i>	1024	0	449	0	0	0	0	0	14	0	1	1

(*): **a** là số mắc tuần này; **b** là số mắc cộng dồn từ đầu năm.

Phụ lục 2
TÌNH HÌNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH TUẦN 15 NĂM 2026
(Từ ngày 08/4/2026 đến hết ngày 14/4/2026)

TT	Chỉ số hoạt động	Dvt	Tổng cộng	BV trung tâm GL	Bồng Sơn	YHCT QNhon	Lao QNhon	Tâm thần QNhon	Mắt Gia Lai	Quy Nhon	Tuy Phước	An Nhơn	Phù Cát
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	9.426	1.600	480	240	140	160	100	350	200	350	220
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	83.458	10.257	4.780	279	250	1.150	1.505	4.213	2.240	2.843	2.934
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	69.938	7.846	4.390	226	82	998	646	4.165	2.080	2.686	2.557
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	5.230	412	437	279	-	-	-	266	63	48	202
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	12.106	1.489	729	3	7	36	132	541	225	414	270
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	27.499	3.269	1.857	132	126	192	1.155	1.548	989	1.207	1.194
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	3.035	226	225	-	-	-	20	27	90	194	140
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		647	218	58	-	-	-	19	-	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	2.385	5	167	-	-	-	1	27	90	194	140
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	11.393	1.949	691	502	63	66	377	374	349	350	243
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	10.523	1.868	674	481	61	59	226	259	345	344	241
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	1.359	317	36	502	-	-	-	19	59	25	41
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	2.212	369	136	9	-	2	1	75	46	121	60
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	4.754	1.605	217	253	37	8	328	102	155	107	117
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	509	72	29	-	4	1	1	8	7	31	15
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		143	50	12	-	-	-	1	-	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	331	4	17	-	4	1	-	8	7	31	15
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	64.046	13.964	3.625	2.373	551	965	384	2.110	1.293	2.042	1.655
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	10.449	1.949	660	169	65	58	343	371	209	354	279
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	4.259	813	383	1	7	-	270	106	45	151	91
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	5.389	949	222	156	52	57	69	246	156	171	172
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	487	152	22	12	2	-	-	11	1	25	2
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	304	34	32	-	4	1	4	8	7	7	14
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	10	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	9	1	1	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	49.284	7.347	3.864	108	187	1.084	1.108	3.805	2.022	2.023	2.420
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	1.168	163	47	23	-	-	27	17	-	4	13
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	301.575	36.735	23.184	632	1.309	-	5.540	51.849	27.160	25.907	34.061
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	9.670	3.545	282	224	-	-	135	135	-	35	89
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	176.205	30.675	6.977	666	990	448	207	10.087	1.924	3.253	1.362
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	71.562	20.977	3.941	620	560	394	207	2.925	709	1.064	468
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	17.201	2.518	1.169	77	220	34	54	1.123	658	406	433
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	5.198	1.372	403	53	63	17	11	227	119	64	72
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	3.111	1.208	280	-	24	-	-	28	-	21	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	1.745	853	173	-	22	-	-	19	-	18	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	23.561	3.667	1.076	33	50	-	186	1.095	307	552	399
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	6.604	1.688	408	23	27	-	174	314	66	143	132
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	8.003	1.224	536	60	24	175	-	383	154	458	353
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	<i>Lượt</i>	3.712	924	295	58	16	83	-	116	54	150	148

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Dvt	Phù Mỹ	Hoài Ân	Hoài Nhơn	Tây Sơn	Vân Canh	An Lão	Vĩnh Thạnh	Hoà Bình	Bình Định	Thu Phúc	Mất SG- Quy Nhơn
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	180	160	180	250	60	60	130	90	335	55	21
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	2.061	1.645	1.497	2.025	385	456	1.297	2.237	3.624	593	529
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	1.555	1.386	1.480	1.812	335	408	1.129	2.159	2.480	565	426
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	90	28	123	166	48	16	8	100	14	6	-
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	151	176	197	128	58	73	155	125	839	48	64
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	839	628	671	935	94	159	356	726	498	148	282
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	122	165	97	73	20	49	47	42	19	8	-
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-			-	-	-		-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	122	165	97	73	20	49	47	42	19	8	-
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	168	227	209	372	56	54	144	53	316	4	158
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	158	227	206	357	56	52	137	51	300	4	153
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	23	28	52	20	6	8	8	13	-		-
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	33	46	6	21	8	10	31	1	91		-
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	75	98	94	187	9	16	70	16	62		127
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	23	7	6	28	7	5	14	6	7		-
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-			-	-	-		-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	23	7	6	28	7	5	14	6	7		-
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	1.663	1.278	1.061	1.251	281	114	861	335	1.289	12	158
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	180	209	67	202	45	38	160	51	331	2	158
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	56	167	33	83	12	24	50	16	91		156
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	91	35	24	90	27	10	95	28	231	2	-
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	10	2	7	2	-	4	1	1	8		2
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	23	5	3	27	6	-	14	6	1		-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-	-	-	-	-	-	-	-	-		-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	-	-	-	-		-	-	-		-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	1.893	1.418	25	1.733	259	294	1.092	2.136	2.664	581	371
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	-	-	25	16		9	-	160	27	6	-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	9.465	-	137	8.665	1.813	4.384	-	623	34.216	8.209	371
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	-	-	137	238		43	-	160	122	59	-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	4.463	2.217	4.440	1.078	401	428	2.236	7.382	15.864	1.323	600
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	494	529	542	250	93	84	604	565	3.468	13	600
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	296	356	498	248	100	76	88	663	816	85	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	25	73	44	55	25	14	28	58	173		-
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	25			-	11	266	10	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	-	-	14			-	5	58	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	374	252	439	156	46	1	193	465	2.604	232	8
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	65	88	75	43	13	-	80	37	323	3	8
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	248	51	299	121	12	7	66	274	573	59	9
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	67	10	74	49	2	1	31	40	143		9

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Dvt	BVĐK GL	Nhi GL	YDCT Pleiku	Lao&BP Pleiku	Tâm TK Pleiku	BV 331	Chư Păh	Chư Prông	Chư Pưh	Chư Sê	Đak Đoa
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	1.000	350	130	70	80	120	75	65	50	130	105
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	5.364	1.483	147	53	512	715	544	674	462	2.224	842
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	4.956	1.083	120	35	465	612	506	554	443	1.922	818
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	175	-	147	-	-	99	32	238	-	231	159
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	19	1.442	3	1	22	86	77	85	59	359	122
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	2.337	-	64	23	62	246	177	195	156	660	272
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	223	20	-	-	-	8	32	40	84	104	73
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		221	17	-	-	-	1	-	-	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	2	3	-	-	-	7	32	40	84	104	73
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	782	460	94	29	36	64	65	68	71	201	107
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	706	408	94	27	33	59	62	58	65	190	98
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	14	-	94	-	-	1	4	4	-	3	20
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	13	449	3	-	1	9	22	14	8	14	27
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	281	-	50	15	1	21	11	13	7	43	23
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	44	10	5	1	-	3	3	2	12	10	1
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		36	9	-	-	-	-	-	-	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	-	1	5	1	-	3	3	2	12	10	1
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	6.564	2.989	1.139	322	613	360	392	250	308	810	715
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	898	413	80	41	27	65	65	44	57	201	103
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	9	268	6	2	-	11	38	37	-	100	93
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	772	127	67	20	26	48	20	7	41	91	9
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	89	7	3	19	1	3	5	-	8	2	1
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	28	10	4	-	-	3	2	-	8	8	-
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	1.899	-	53	24	476	566	4	13	-	26	174
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	127	-	6	-	-	53	4	13	-	26	6
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	3.748	-	91	311	-	990	30	-	-	234	5.059
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	2.042	-	91	-	-	477	30	-	-	234	63
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	15.340	2.913	257	423	63	841	210	1.245	587	2.224	1.160
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	11.108	2.312	257	379	37	166	57	109	145	571	71
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	1.083	331	24	31	-	215	59	144	103	310	200
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	630	243	20	21	-	41	12	11	21	65	45
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	346	42	-	1	-	-	-	-	-	-	-
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	300	36	-	1	-	-	-	-	-	-	-
12	Tổng số siêu âm	Lượt	1.440	492	1	11	-	183	117	170	89	438	227
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	819	232	1	10	-	40	23	19	20	49	62
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	981	14	25	21	-	31	4	84	-	135	21
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	781	5	25	20	-	16	4	1	-	33	6

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Dvt	Đak Pơ	Đức Cơ	Ia Grai	Ia Pa	KBang	Kông Chro	Krông Pa	Mang Yang	Phú Thiện	An Khê	Ayun Pa
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	50	90	70	65	110	65	95	75	85	160	180
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	483	1.087	733	381	838	200	996	817	853	1.604	1.056
1.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	469	898	593	362	771	162	975	692	762	1.426	976
1.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	13	260	221	62	152	10	302	11	36	34	156
1.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	86	177	96	95	134	24	225	70	178	218	184
1.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	141	257	219	84	289	43	214	169	226	581	333
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	14	102	72	14	57	11	147	109	89	49	17
2.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-	-	71	-	-	-	-
2.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	14	102	72	14	57	11	76	109	89	49	17
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	67	126	72	61	134	56	148	109	132	248	228
3.1	<i>Trong đó: - Có thẻ BHYT</i>	"	67	116	63	60	130	52	142	104	116	233	213
3.2	<i>- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ</i>	"	-	2	2	2	5	-	26	4	2	-	5
3.3	<i>- Trẻ ≤ 15 tuổi</i>	"	14	34	15	14	51	12	29	30	31	58	11
3.4	<i>- Người ≥ 60 tuổi</i>	"	11	27	8	16	28	10	31	15	42	72	46
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	-	27	4	8	5	9	20	11	7	17	3
4.1	<i>Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh</i>		-	-	-	-	-	-	16	-	-	-	-
4.2	<i>Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)</i>	"	-	27	4	8	5	9	4	3	6	17	3
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	227	391	267	283	779	245	771	411	613	968	960
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	52	95	69	64	140	55	158	89	118	252	183
6.1	<i>Số điều trị khỏi</i>	"	41	84	46	31	92	27	127	55	48	112	61
6.2	<i>Số điều trị đỡ / giảm</i>	"	9	6	18	25	41	26	11	23	54	130	110
6.3	<i>Số điều trị không thay đổi</i>	"	2	2	5	8	3	2	4	9	11	2	4
6.4	<i>Số điều trị bị nặng hơn</i>	"	-	1	-	-	4	-	16	2	5	8	3
6.5	<i>Số tử vong</i>	"	-	2	-	-	-	-	-	-	-	-	5
6.6	<i>Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện</i>	"	-	1	-	-	-	-	-	-	-	-	5
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	14	21	5	7	528	-	670	20	10	1.357	124
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	14	21	5	7	19	-	7	20	10	6	45
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	54	123	52	68	75	24	3.350	106	140	40	209
	<i>Trong đó: Có bệnh án ngoại trú</i>	"	54	123	52	9	9	1	-	97	10	5	45
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	410	1.945	819	746	1.316	99	737	533	799	1.531	1.618
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	113	251	105	125	266	48	243	138	410	687	957
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	61	159	99	100	238	20	100	87	98	256	114
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	12	21	16	20	60	6	8	26	20	68	52
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	37	16
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	-	-	-	-	-	-	-	-	20	6
12	Tổng số siêu âm	Lượt	95	258	97	119	178	53	237	119	172	280	234
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	43	38	14	21	59	16	74	35	46	106	108
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	11	92	40	7	10	-	6	5	27	64	14
	<i>Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú</i>	Lượt	-	9	-	1	5	-	2	5	12	31	13

(*): Đơn vị không báo cáo

TT	Chỉ số hoạt động	Đvt	TP Pleiku	Hoàng Anh GL	Hùng Vương GL	Mắt CN	Mắt SG-GL (*)	CS Chư Păh	CS Chư Sê	CS Chư Prông
	Giường bệnh Kế hoạch	Giường	140	200	300	50	10	30	50	65
1	Số lượt người khám bệnh	Lượt	2.652	5.476	4.871	1.045		Tạm dừng hoạt động. Đã có Công văn gửi Sở Y tế và BHXH tỉnh		546
1.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	2.541	2.651	4.391	812				532
1.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	415	-	171	-				-
1.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	222	980	1.005	205				72
1.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	1.109	1.461	711	258				207
2	Số lượt BN khám bệnh phải chuyển tuyến	Lượt	117	29	18	3				39
2.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	26	13	3				-
2.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	117	3	5	-				39
3	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	90	550	508	60				102
3.1	Trong đó: - Có thẻ BHYT	"	86	485	453	55				89
3.2	- YHCT hoặc YHCT kết hợp YHHĐ	"	3	-	11	-				-
3.3	- Trẻ ≤ 15 tuổi	"	4	152	100	2				29
3.4	- Người ≥ 60 tuổi	"	28	118	113	29				12
4	Số lượt bệnh nhân nội trú chuyển tuyến	Lượt	4	13	9	3				7
4.1	Trong đó: Chuyển đi ngoài tỉnh		-	10	6	3				-
4.2	Chuyển đi tuyến trên (trong tỉnh)	"	4	3	3	-				7
5	Tổng số ngày điều trị của bệnh nhân nội trú	Ngày	633	2.713	2.511	182				365
6	Số lượt bệnh nhân điều trị nội trú ra viện	Lượt	105	537	477	67				94
6.1	Số điều trị khỏi	"	65	-	302	46				3
6.2	Số điều trị đỡ / giảm	"	35	523	165	18				84
6.3	Số điều trị không thay đổi	"	4	13	8	1				7
6.4	Số điều trị bị nặng hơn	"	1	1	2	2				-
6.5	Số tử vong	"	-	-	-	-				-
6.6	Tr.đó, Tử vong trong 24 giờ đầu nhập viện	"	-	-	-	-				-
7	Số lượt bệnh nhân điều trị ngoại trú	Lượt	2.336	4.061	462	-				-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	61	3	178	-				-
8	Tổng số ngày điều trị bệnh nhân ngoại trú	Ngày	494	11.655	462	-				-
	Trong đó: Có bệnh án ngoại trú	"	494	452	178	-				-
9	Tổng số xét nghiệm các loại	Lượt	2.673	17.457	22.299	352				587
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	431	4.580	8.390	352				147
10	Tổng số chiếu, chụp X-quang	Lượt	401	1.297	1.620	-			133	
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	144	258	462	-			20	
11	Tổng số chụp MRI/ CT-Scanner	Lượt	-	342	454	-			-	
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	-	70	150	-			-	
12	Tổng số siêu âm	Lượt	340	2.379	3.363	199			135	
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	38	413	564	8			36	
13	Tổng số điện tim, điện não	Lượt	39	364	861	48			13	
	Trong đó: Cho bệnh nhân điều trị nội trú	Lượt	13	90	315	48			7	

(*): Đơn vị không báo cáo

Phụ lục 3
CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH TRONG TUẦN 15 NĂM 2026
(Từ ngày 08/4/2026 đến hết ngày 14/4/2026)

STT	Nội dung
I. Dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh	
1	Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (điều chỉnh cơ cấu giường bệnh)
2	Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Trung tâm Y tế Chư Sê
3	Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (điều chỉnh danh mục kỹ thuật)
4	Các mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh
5	Kế hoạch tổ chức Hội nghị phổ biến các quy định về khám bệnh, chữa bệnh, quản lý hành nghề và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai
6	Triển khai thực hiện Thông tư số 12/2026/TT-BTC ngày 10/02/2026 của Bộ Tài chính
7	Thông báo lịch tổ chức xét duyệt đề cương Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Ngành (cấp cơ sở) năm 2026
8	Thông báo lịch kiểm tra công tác khám bệnh, chữa bệnh BHYT Quý I năm 2026
9	Kế hoạch điều chỉnh Kế hoạch số 92/KH-SYT ngày 08/4/2026 của Sở Y tế về tổ chức Hội nghị phổ biến các quy định về khám bệnh, chữa bệnh, quản lý hành nghề và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai
10	Phối hợp khám bệnh, điều trị chuyên khoa tâm thần tại Trung tâm Nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn
11	Thông báo kết luận của Giám đốc Sở Y tế tại Hội nghị giao ban công tác khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế Quý I năm 2026 và triển khai nhiệm vụ công tác Quý II năm 2026
12	Triển khai Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 02/04/2026 của UBND tỉnh ban hành “Chương trình Bảo đảm mức sinh thay thế trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2030”
13	Các mục tiêu, nhiệm vụ, nhu cầu kinh phí thực hiện Dự án 6: Tăng cường đáp ứng y tế trong phòng, chống ma túy thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phòng, chống ma túy đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh
14	Kết quả thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định 1300/QĐ-BYT và đề xuất các chỉ tiêu, tiêu chí cần bổ sung, điều chỉnh trong giai đoạn 2026-2035 phù hợp với TYT xã sau sáp nhập và thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp
15	Kế hoạch truyền thông phòng, chống tác hại của rượu, bia năm 2026 ngành Y tế trên địa bàn tỉnh
II. Tổ chức cán bộ	
16	Tham gia góp ý dự thảo Tờ trình, Quyết định về việc bãi bỏ quyết định quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định ban hành (trước sắp xếp) thuộc lĩnh vực nội vụ
17	Chỉ đạo các đơn vị thực hiện chế độ hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề

STT	Nội dung
18	Quyết định hưởng chế độ phụ cấp khu vực (Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai)
19	Quyết định hưởng chế độ phụ cấp trách nhiệm (Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai)
20	Quyết định hưởng chế độ phụ cấp độc hại, nguy hiểm đối với cán bộ, viên chức ngành y tế (Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai)
21	Quyết định hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề (Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tỉnh Gia Lai)
22	Báo cáo Kết quả việc thi hành chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ
23	Đề nghị tham gia góp ý hồ sơ dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành Quy định về một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ trên địa bàn tỉnh Gia Lai
24	Triển khai thực hiện Thông tư số 03/2026/TT-BNV ngày 26/3/2026 của Bộ Nội vụ hướng dẫn một số quy định của Nghị định số 171/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2026 của Chính phủ quy định về đào tạo, bồi dưỡng công chức đến các đơn vị để tổ chức triển khai, thực hiện
25	Trình Sở Nội vụ thực hiện chính sách thu hút theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh 12 bs và 01 ds Bệnh viện Đa khoa Trung tâm
26	Đề nghị thẩm định tiêu chuẩn chính trị đối với viên chức thuộc Sở Y tế
27	Thực hiện chế độ hưởng phụ cấp ưu đãi theo nghề
24	Quyết định nâng bậc lương thường xuyên đối với viên chức
25	Quyết định hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề
26	Quyết định hưởng chế độ phụ cấp ưu đãi theo nghề và hưởng phụ cấp độc hại nguy hiểm đối với viên chức
25	Xin ý kiến xin ý kiến về giao quyền phụ trách Trạm Y tế xã Ia Tul
26	Quyết định cử viên chức đi ôn và dự thi chuyên khoa cấp I, cấp II
26	Báo cáo kết quả việc thu hồi tiền bồi thường kinh phí thực hiện chính sách thu hút bác sĩ
27	Quyết định cử viên chức đi học lớp Ngôn ngữ trị liệu Nhi
III. Dược -Trang thiết bị y tế	
28	Quyết định kiểm tra việc chấp hành quy định của pháp luật trong hoạt động sản xuất, kinh doanh dược, mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh Gia Lai
29	Tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá thuốc, thiết bị y tế, dịch vụ KBCB trên địa bàn tỉnh
30	Phối hợp triển khai hoạt động hiến máu tình nguyện tháng 5/2026
31	Quyết định thu hồi Chứng chỉ hành nghề dược
31	Trả lời thông tin cấp chứng chỉ hành nghề dược
32	Xác minh thông tin hành nghề dược
33	Xác minh thông tin cấp chứng chỉ hành nghề dược
34	Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
35	Quyết định cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược
36	Triển khai Quyết định số 192/QĐ-QLD ngày 07/4/2026 của Cục Quản lý Dược
37	Cung cấp dữ liệu về lấy mẫu để kiểm tra chất lượng thuốc, nguyên liệu làm thuốc

STT	Nội dung
38	Kế hoạch đánh giá việc đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc (GPP) (Đợt 10 năm 2026)
IV. Bảo trợ xã hội và trẻ em	
39	Báo cáo thống kê tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em
40	Góp ý dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 20/2021/NĐ-CP
41	Báo cáo đánh giá tác động tình hình thực hiện phụ cấp thường trực tại các cơ sở trợ giúp xã hội công lập
42	Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em trên địa bàn tỉnh Gia Lai giai đoạn 2026 - 2030
43	Báo cáo tổng kết đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP và Nghị định số 76/2024/NĐ-CP của Chính phủ
44	Hỗ trợ học bổng cho trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, khó khăn tỉnh Gia Lai
45	Phối hợp báo cáo quyết toán kết quả thực hiện chính sách bảo trợ xã hội năm 2025
	Báo cáo kết quả rà soát, góp ý hồ sơ dự thảo trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án sắp xếp, tổ chức lại Hệ thống Làng Trẻ em SOS Việt Nam
46	Kiểm tra tình hình thực hiện chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ và hưu trí xã hội
47	Báo cáo Tổng kết 05 năm, đánh giá tình hình thực hiện Chỉ thị số 39-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác người khuyết tật
V. Kế hoạch - Tài chính	
48	Góp ý dự thảo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2026 của các đơn vị trực thuộc
49	Triển khai thực hiện kết luận số 245/TB-UBND ngày 06/4/2026 của đồng chí Phạm Anh Tuấn - Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh
50	Góp ý Dự thảo Tờ trình và Quyết định quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035
51	Cung cấp số liệu biên soạn Niên giám thống kê từ 2020 đến 2025 (tỉnh Gia Lai)
52	Chuẩn bị nội dung làm việc giữa lãnh đạo UBND tỉnh và các sở, ban, ngành, UBND các xã, phường
53	Báo cáo tình hình hoàn thiện hồ sơ pháp lý về đất theo Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội
54	Tham gia ý kiến dự thảo Quyết định bãi bỏ các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực y tế
55	Góp ý Dự thảo Văn bản Chỉ thị của Chủ tịch UBND tỉnh về “Tăng cường thực hiện các giải pháp trong quản lý đầu tư xây dựng cơ bản nhằm chủ động phòng ngừa, ngăn chặn các vấn đề gây lãng phí để nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư các dự án trên địa bàn tỉnh Gia Lai”
56	Khảo sát về hiện trạng Trạm Y tế xã An Toàn
57	Đăng ký tham gia Chương trình “Đối thoại doanh nghiệp 2026” tại Campuchia
58	Xây dựng phương án giá dịch vụ trông giữ xe được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước
59	Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng kinh phí NSNN năm 2026

STT	Nội dung
60	Phối hợp triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Quyết định số 961/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Gia Lai
61	Tham gia ý kiến hồ sơ dự thảo Thông tư bãi bỏ Thông tư số 07/2005/TT-BTC hướng dẫn quản lý tài chính đối với các hoạt động của Hội Chữ thập đỏ
62	Khảo sát về hiện trạng Trạm Y tế các xã: Canh Liên, Vĩnh Sơn
63	Đăng ký tham gia Chương trình “Đối thoại doanh nghiệp 2026” tại Campuchia
64	Thông báo Danh mục mua sắm máy móc thiết bị, xe ô tô chuyên dùng và một số tài sản khác năm 2026
65	Triển khai thực hiện Quyết định số 1509/QĐ-UBND ngày 01/04/2026 của UBND tỉnh Ban hành giá dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Gia Lai
66	Báo cáo Công tác y tế tuần 14 năm 2026
67	Triển khai, phổ biến Thông tư số 18/2026/TT-BNNMT ngày 27/3/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường
68	Trình UBND tỉnh Dự thảo Nghị quyết bãi bỏ Nghị quyết số 57/2023/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai quy định nội dung chi, mức chi đặc thù cho công tác y tế dự phòng – dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai
69	Tăng cường công tác quản lý, điều hành và bình ổn giá trong lĩnh vực y tế
70	Tiếp nhận Máy điện não do Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa tư nhân An Sinh - Phúc Trường Minh tài trợ cho Bệnh viện Tâm thần kinh Pleiku
71	Triển khai Nghị định số 114/2026/NĐ-CP ngày 02/4/2026 của Chính phủ
72	Góp ý dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh tham gia hội chợ, triển lãm du lịch trong nước và nước ngoài
73	Triển khai Nghị định số 128/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật giá
74	Góp ý Dự thảo Tờ trình và Quyết định quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035
75	Chuẩn bị phục vụ Đoàn công tác của UBND tỉnh (gửi TTYT)
76	Đề xuất triển khai thực hiện các dự án nâng cấp, mở rộng và mua sắm thiết bị tại 24 trạm y tế xã biên giới và vùng đặc biệt khó khăn
77	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (Điều chỉnh giảm kinh phí không giao tự chủ sang kinh phí tự chủ sau khi được giao tự chủ tài chính)
78	Tham gia ý kiến đối với dự thảo Đề án thành lập Quỹ đầu tư mạo hiểm tỉnh Gia Lai và Điều lệ Quỹ
79	Tham gia góp ý nội dung dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 18/2025/QĐ-UBND ngày 03/9/2025 của UBND tỉnh Gia Lai
80	Báo cáo kết quả khảo sát thực trạng 24 trạm y tế xã vùng biên giới và vùng đặc biệt khó khăn
81	Tiếp tục rà soát, chuẩn hóa số liệu và báo cáo kết quả Tổng kiểm kê thời điểm 0h00 ngày 01/01/2026 trên địa bàn tỉnh Gia Lai

STT	Nội dung
82	Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (kính phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt quý II năm 2026 theo Nghị định số 154/2025/NĐ-CP ngày 15/6/2025 của Chính phủ)
83	Kết quả triển khai hưởng ứng Ngày Nước thế giới, Ngày Khí tượng thế giới năm 2026 trong ngành Y tế
84	Trình UBND tỉnh Dự thảo Nghị quyết quy định mức chi bồi dưỡng hằng tháng cho cộng tác viên dân số, nhân viên y tế thôn kiêm nhiệm cộng tác viên dân số trên địa bàn tỉnh Gia Lai
85	Đề nghị Sở Tư pháp thẩm định Dự thảo Quyết định quy định chế độ báo cáo định kỳ lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh Gia Lai
VI. Công tác khác	
86	Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 10-KH/TU ngày 27/10/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Quyết định số 2952/QĐ-UBND ngày 06/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới
87	Khảo sát về thực thi quy định pháp luật về "hàng giả" và định hướng hoàn thiện khái niệm "hàng giả" trong Luật Thương mại
88	Quyết định công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 tại Cơ quan Văn phòng Sở Y tế
89	Báo cáo tham dự, theo dõi và chỉ đạo Hội nghị tại điểm cầu địa phương
90	Phân công nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
91	Tuyên truyền, cổ động trực quan Ngày hội Văn hóa các dân tộc tỉnh Gia Lai lần thứ I, năm 2026.
92	Tuyên truyền các hoạt động nhân Kỷ niệm 80 năm Ngày Bác Hồ gửi Thư Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam tại Pleiku (19/4/1946 - 19/4/2026) gắn với Ngày hội Văn hóa các dân tộc tỉnh Gia Lai lần thứ I, năm 2026.
93	Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước
94	Đề nghị gia hạn, thay đổi nội dung thông tin chứng thư chữ ký số chuyên dùng công vụ
95	Về báo cáo tham dự, theo dõi và chỉ đạo Hội nghị tại điểm cầu địa phương.
96	Về việc yêu cầu cấp mới chứng thư chữ ký số cá nhân
97	Công văn gửi các cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến dự thảo Quyết định bãi bỏ các Quyết định do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định (trước sắp xếp) ban hành thuộc lĩnh vực y tế
98	Công văn phân công nhiệm vụ xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
99	Công văn đăng ký xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh